TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH TIỀN GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 04-01-2024
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Phan Thị Thanh Xuân- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2023/TLPT-HNGĐ ngày 20/11/2023 về việc tranh chấp: "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 102/2023/HNGĐ-ST ngày 28-9-2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 925/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Dương Thị Mai H, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Dương Thị Mai H: Ông Võ Thanh V – Luật sư Công ty L thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

2.Bị đơn: Ông Châu Thành B, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Dương Thị Mai H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn bà Dương Thị Mai H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Châu Thành B là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 18/4/1990. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 1994 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên tranh cãi. Bà và ông B đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Châu Thành B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Châu Thị Mai T, sinh ngày 24/11/1991 và Châu Ngọc Quế T1, sinh ngày 12/7/2000. Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Châu Thành B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Dương Thị Mai H chung sống với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/4/1990. Sau khi kết hôn thì ông và bà H chung sống với nhau tại Xí nghiệp một thời gian rồi về ấp T, xã T, thị xã C sống cho đến nay. Thời gian vợ chồng chung sống thì ông và bà H không có phát sinh mâu thuẫn gì. Ông và bà H không có ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng như bà H trình bày. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung như bà H trình bày. Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 102/2023/HNGĐ-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân

và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Mai H về việc ly hôn với ông Châu Thành B.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 10/10/2023, bà Dương Thị Mai H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cương quyết xin ly hôn. Ông B không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với bà, mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng chăm lo cho con chung vì chị Châu Ngọc Quế T1 đang bị bệnh trầm cảm.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là luật sư Võ Thanh V trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa án sơ thẩm theo hướng cho bà H được ly hôn với ông B.

-*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Mai H; Sửa bản án sơ thẩm cho bà H được ly hôn với ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Dương Thị Mai H còn trong thời hạn quy định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Bà H và ông B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 18/4/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 2/2023 cho đến nay.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà H trình bày do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên tranh cãi. Bà cố gắng chịu đựng kéo dài cuộc hôn nhân đến tháng 02/2023, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B. Ông B trình bày ông bà không có mâu thuẫn gì, hai bên vẫn còn khả năng hàn gắn. Ông còn tình cảm với bà H và có nguyện vọng đoàn tụ gia đình để chăm lo cho con chung là chị Châu Ngọc Quế T1 đang bị trầm cảm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bà H cương quyết xin ly hôn vì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông B không tôn trọng quan điểm, ý kiến của bà, mỗi lần cãi nhau ông Bình t bỏ đi như một cách giải quyết mâu thuẫn, bà muốn nói chuyện gì đều phải thông qua các con. Ông B không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, bản thân ông vẫn còn tình cảm với bà H, cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà H là đúng nhưng từ khi ly thân đến nay ông B không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay, ông B cũng không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông B là có thật và đã đến mức trầm trọng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm đến cấp phúc thẩm, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo cho thấy bà H đã không còn tình cảm gì với ông B, việc kéo dài quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho ông bà. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H cho bà H được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, bà H và ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Mai H.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 102/2023/HNGĐ-ST ngày 28-9-2023 của Tòa án nhân dân Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Bà Dương Thị Mai H được ly hôn với ông Châu Thành B.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, bà H và ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2/- Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0018585 ngày 09/6/2023 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Bà Dương Thị Mai H không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nên được hoàn lại 300.000 đồng theo biên lai 0018737 ngày 10/10/2023 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan